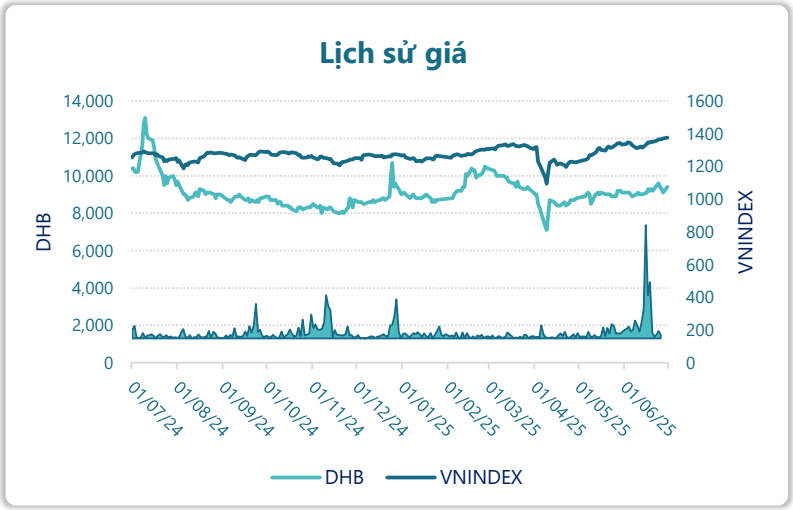
FireAnt

CTCP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (UPCOM: DHB)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**9,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,100
SL cổ phiếu LH	272,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,950
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,559
P/E	15.7
EPS	599

DT thuần

Q2/25

1,187

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 30.0| 2.6%

YoY: ▲ 229| 23.9%

LN sau thuế

Q2/25

42.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 26.4| 169%

YoY: ▲ 179| 131%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

7.2%

+/- YoY: ▲ 15.7%

DT thuần

6T 2025

2,345

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 378| 19.2%

LN sau thuế

6T 2025

57.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 157| 158%

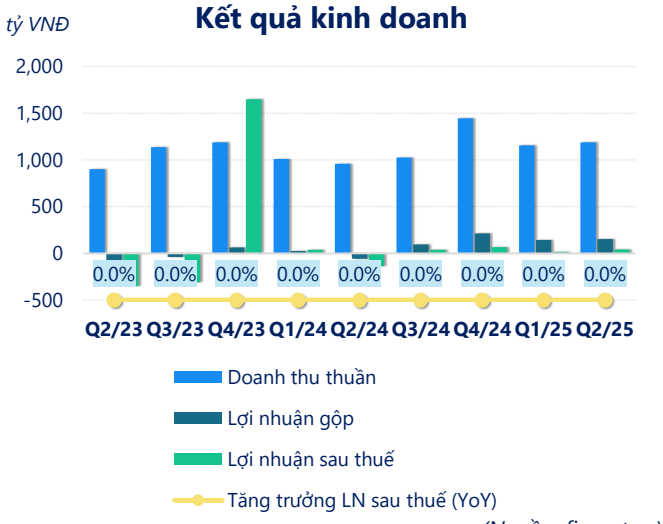
ROE

Q2/25

27.5%

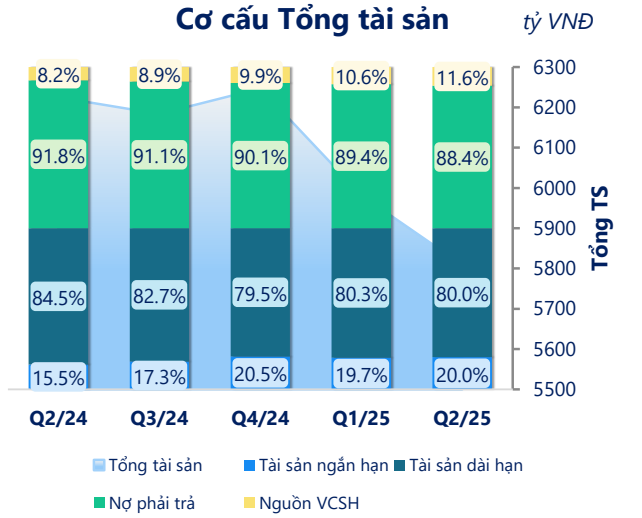
+/- YoY: ▲ 1158%

Kết quả kinh doanh



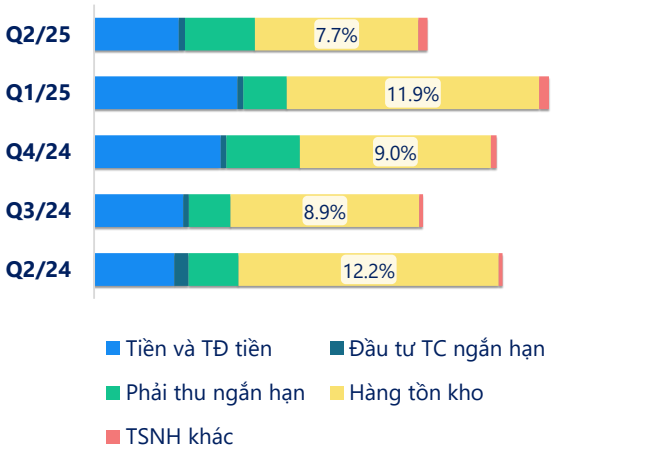
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



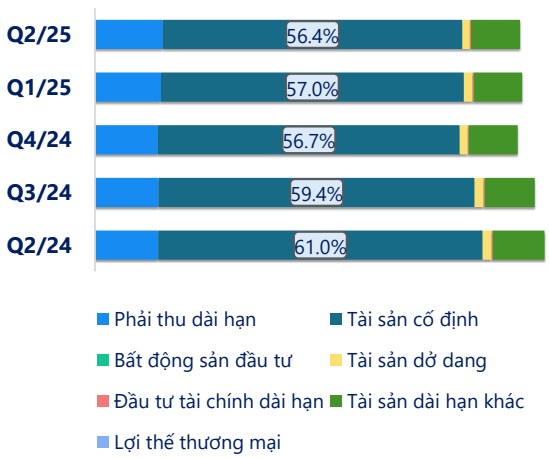
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



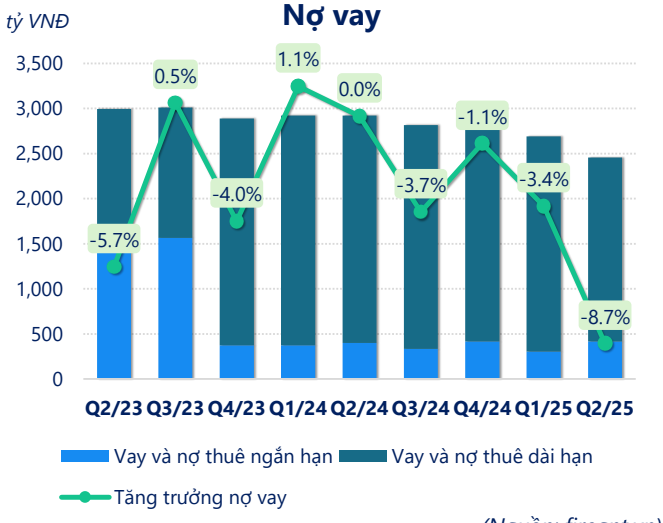
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



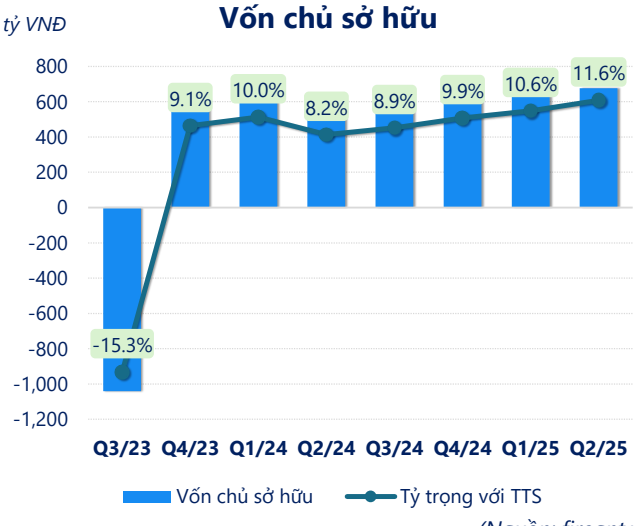
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



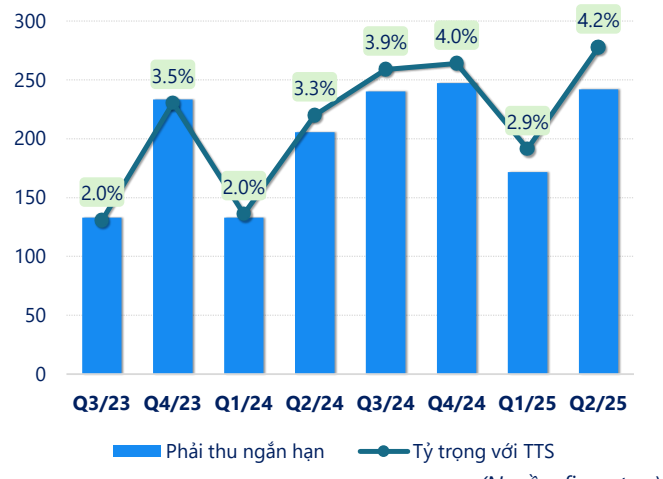
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



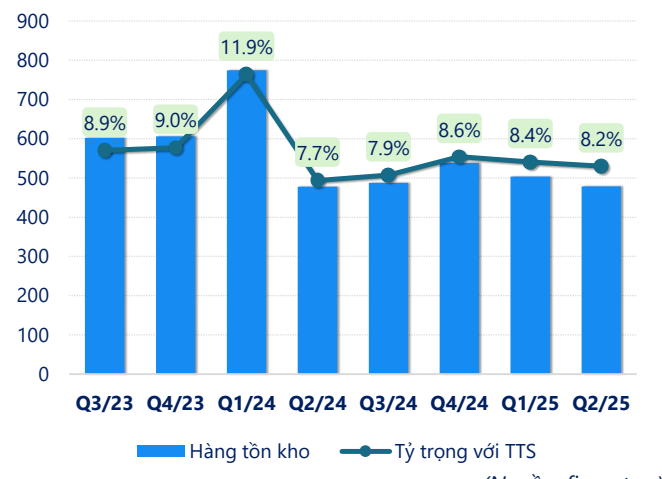
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



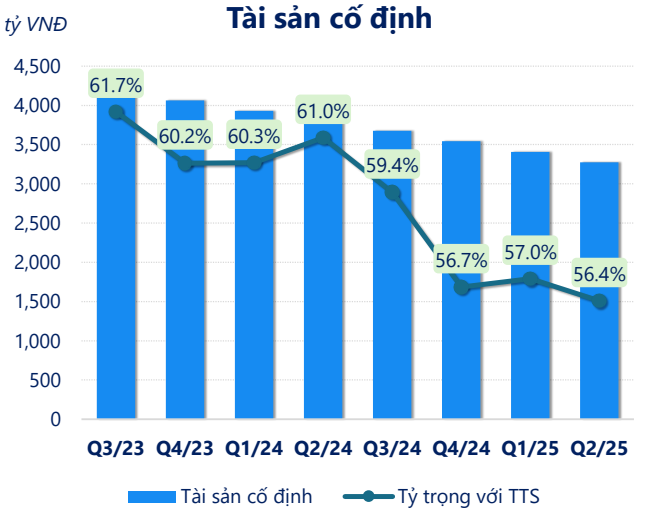
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



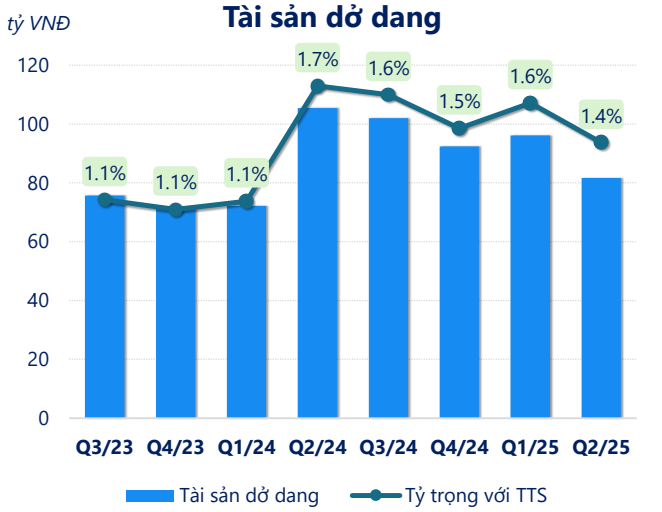
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



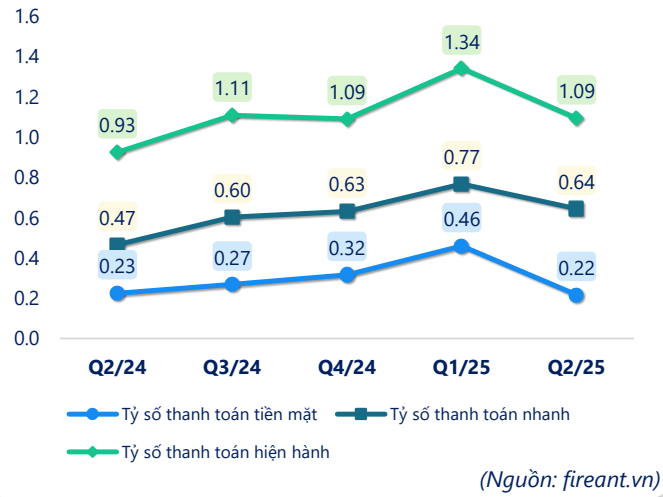
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



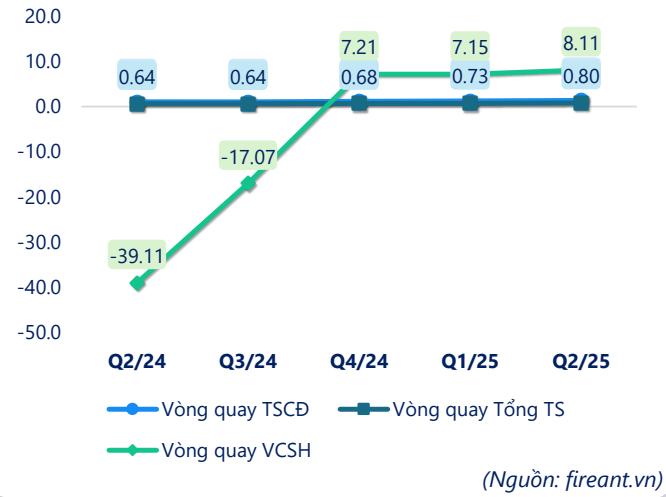
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**6,225**	**6,184**	**6,247**	**5,982**	**5,809**
Tài sản ngắn hạn	**963**	**1,071**	**1,280**	**1,176**	**1,165**
Tiền và tương đương tiền	234	259	372	403	231
Đầu tư tài chính ngắn hạn	18.0	48.0	48.0	18.0	119
Phải thu ngắn hạn	205	240	247	172	242
Hàng tồn kho	478	488	539	503	479
Tài sản ngắn hạn khác	27.0	35.5	74.4	80.3	93.9
Tài sản dài hạn	**5,262**	**5,113**	**4,967**	**4,806**	**4,644**
Phải thu dài hạn	741	741	741	741	741
Tài sản cố định	3,796	3,675	3,545	3,409	3,273
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	105	102	92.3	96.1	81.6
Đầu tư tài chính dài hạn	13.2	13.2	13.2	13.2	13.2
Tài sản dài hạn khác	607	582	576	547	535
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**5,713**	**5,633**	**5,629**	**5,348**	**5,133**
Nợ ngắn hạn	**1,040**	**966**	**1,174**	**877**	**1,064**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	400	333	415	305	414
Phải trả người bán ngắn hạn	342	345	386	369	365
Nợ dài hạn	4,673	4,667	4,456	4,471	4,069
Vay và nợ thuê dài hạn	2,522	2,482	2,370	2,385	2,043
Nguồn vốn chủ sở hữu	**512**	**551**	**618**	**634**	**676**
Vốn chủ sở hữu	**512**	**551**	**618**	**634**	**676**
Vốn điều lệ	2,722	2,722	2,722	2,722	2,722
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)